

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
**SỞ Y TẾ**

Số: 833 /SYT-NVY  
V/v kiện toàn CSĐT và chuẩn bị  
thanh toán qua bảo hiểm y tế năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 02 tháng 5 năm 2018

Kính gửi:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Bệnh viện đa khoa tỉnh;
- Trung tâm y tế huyện Chơn Thành.

Thực hiện Công văn số 257/AIDS-ĐT ngày 16/4/2017 của Cục phòng, chống HIV/AIDS - Bộ Y tế về việc kiện toàn CSĐT và chuẩn bị thanh toán qua bảo hiểm y tế năm 2019 ( có văn bản kèm theo);

Sở Y tế tỉnh Bình Phước giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh làm đầu mối, phối hợp Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm y tế huyện Chơn Thành triển khai thực hiện.

Trân trọng!  
*K*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các phó giám đốc Sở;
- Các phòng chức năng;
- Website SYT;
- Lưu VT, NVY(C 02.5).



*Quách Sĩ Đức*

26/4/2018  
B6D

BỘ Y TẾ  
CỤC PHÒNG, CHỐNG  
HIV/AIDS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KUTZ, MY, NVĐC  
PTICR, STA  
[Chợ] [Hàng] [Số: 157] AIDS-ĐT  
V/v: kiện toàn CSĐT và chuẩn bị thanh toán  
qua BHYT năm 2019

Số: 157/AIDS-ĐT  
V/v: kiện toàn CSĐT và chuẩn bị thanh toán  
qua BHYT năm 2019

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC  
Số 251/Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018  
ĐẾN Ngày 24.1.18  
Chuyển Lưu hồ

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Đồng chí Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước

**KHẨN**

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển nhiệm vụ điều trị người nhiễm HIV từ các chương trình dự án sang nhiệm vụ của Quỹ Bảo hiểm y tế (BHYT) quy định tại Quyết định số 1899/QĐ-TTg ban hành ngày 16 tháng 10 năm 2013 về việc phê duyệt đề án đảm bảo tài chính cho phòng, chống HIV/AIDS, từ năm 2015 Bộ Y tế đã ban hành các công văn số 1240/BYT-AIDS ngày 26/2/2015, công văn số 9293/BYT-AIDS ngày 27/11/2015, công văn số 4783/BYT-AIDS ngày 23/8/2017 về việc đề nghị 63 tỉnh, thành phố hoàn thành kiện toàn cơ sở y tế đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh qua Bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV.

Tuy nhiên, hiện nay tỉnh Bình Phước có 02 cơ sở điều trị HIV/AIDS đặt tại Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS và Trung tâm Y tế huyện Chơn Thành đang điều trị cho 688 người nhiễm HIV vẫn chưa hoàn thành công tác kiện toàn. Điều này dẫn đến việc không thể cung cấp được dịch vụ khám chữa bệnh cho người nhiễm HIV, bao gồm cả thuốc ARV và xét nghiệm tải lượng HIV, từ nguồn Quỹ BHYT.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1125/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020. Theo đó, thuốc ARV điều trị cho người nhiễm HIV sẽ được chi trả thông qua Quỹ Bảo hiểm y tế từ 01/01/2019.

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BYT ngày 28 tháng 6 năm 2017 về Quy định quản lý thuốc kháng HIV được mua sắm tập trung cấp quốc gia sử dụng nguồn quỹ khám bệnh, chữa bệnh BHYT và hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV có thẻ BHYT, Cục Phòng, chống HIV/AIDS đề nghị đồng chí Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước chỉ đạo các đơn vị và cá nhân liên quan khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Các cơ sở điều trị tại Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS và Trung tâm Y tế huyện Chơn Thành hoàn thành kiện toàn trước ngày 31/7/2018 đảm bảo cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh HIV/AIDS, thanh toán thuốc ARV điều trị cho người nhiễm HIV từ nguồn Bảo hiểm Y tế (BHYT).



2. Trường hợp không thể hoàn thành kiện toàn các cơ sở điều trị HIV/AIDS nói trên trước thời điểm 31/7/2018, đề nghị Sở Y tế tỉnh Bình Phước chỉ đạo:

- Chuyển người bệnh đang điều trị tại cơ sở không thể hoàn thành kiện toàn sang bệnh viện cung cấp được dịch vụ khám chữa bệnh HIV qua BHYT trước ngày 31/7/2018.

- Thông báo cho Cục Phòng, chống HIV/AIDS về cơ sở điều trị HIV/AIDS mới để được tiếp tục cung cấp thuốc ARV trong thời gian chưa sử dụng thuốc ARV từ nguồn BHYT năm 2019.

3. Giao Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS là đầu mối, phối hợp với cơ sở điều trị sẽ thực hiện khám chữa bệnh HIV qua BHYT, dự trữ thuốc ARV nguồn BHYT năm 2019 theo hướng dẫn tại Phụ lục 1, Phụ lục 2.1, 2.2, 2.3 gửi kèm, đồng thời chuẩn bị quá trình bàn giao, tiếp quản điều trị thuận lợi, thừa thiếu thuốc gây lãng phí ngân sách nhà nước. Kế hoạch dự trữ thuốc ARV nguồn BHYT sử dụng năm 2019 đề nghị gửi về Cục Phòng, chống HIV/AIDS trước ngày 30/4/2018 bằng đường bưu điện và thư điện tử dieutrivaac@yahoo.com.

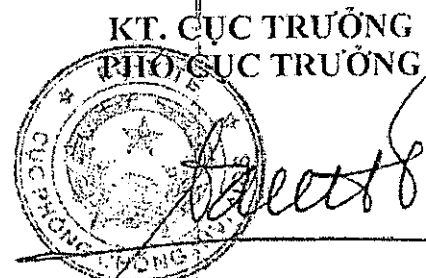
Nếu đến thời hạn trên Cục Phòng, chống HIV/AIDS không nhận được kế hoạch của tỉnh để gửi Trung tâm Mua sắm thuốc Quốc gia, Sở Y tế tỉnh Bình Phước chịu trách nhiệm, bố trí ngân sách đảm bảo cung cấp đủ thuốc ARV cho người bệnh HIV, không để tình trạng gián đoạn điều trị xảy ra.

Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện đề nghị liên hệ Cục Phòng, chống HIV/AIDS (Phòng Điều trị HIV/AIDS) để thống nhất giải quyết. Địa chỉ liên hệ: Cục Phòng, chống HIV/AIDS, Tòa nhà Tổng cục dân số, ngõ 8 Tôn Thất Thuyết, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội, điện thoại 024.37367851.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (để biết);
- Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Bình Phước (để phối hợp thực hiện);
- Trung tâm y tế huyện Chơn Thành (để phối hợp thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT.



**Phan Thị Thu Hương**

Phụ lục 1: Biểu mẫu dự trù thuốc ARV nguồn BHYT năm 2019 dành cho các cơ sở điều trị HIV/AIDS

(Kèm theo công văn số /AIDS-DTr ngày tháng năm 2018 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS)

Tỉnh/ thành phố:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bệnh viện/TTYT:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TRÙ THUỐC ARV CHO BỆNH NHÂN NGƯỜI LỚN  
SỬ DỤNG NGUỒN BẢO HIỂM Y TẾ (BHYT) NĂM 2019**

**I. Số lượng bệnh nhân người lớn đang điều trị ARV đến 31/12/2017 và ước tính bệnh nhân đến 12/2019**

Stt	Phác đồ Điều trị	Số bệnh nhân đang điều trị ARV 31/12/2017			Ước tính số bệnh nhân đến tháng 31/12/2019		
		Tổng	Có thẻ BHYT	Không có thẻ BHYT	Tổng	*Có sử dụng ARV BHYT	**Không sử dụng ARV BHYT
a	b	c	d	e=c-d	f	g	h=f-g
	Tổng số Bệnh nhân Người lớn						
1	(TDF/3TC/EFV 300/300/600)						
2	(ZDV/3TC/NVP 300/150/200)						
3	Phác đồ bậc 1 khác						
4	(TDF 300)(3TC 150)(LPV/r 200/50)						
5	(ZDV/3TC 300/150)(LPV/r 200/50)						
6	Phác đồ bậc 2 khác						

\*Có sử dụng ARV BHYT: Bệnh nhân đủ điều kiện được BHYT chi trả (có thẻ BHYT đúng tuyến, có giấy chuyển tuyến hợp lệ và có giấy tờ tùy thân,...)

\*\*Không sử dụng ARV BHYT: Bệnh nhân không đủ điều kiện được BHYT chi trả (không có thẻ BHYT, không đúng tuyến, không có giấy tờ tùy thân,...)

**II. Ước tính nhu cầu thuốc ARV BHYT, giai đoạn 1/1-31/12/2019 (đvt: viên)**

(Đề nghị ước tính nhu cầu thuốc ARV nguồn BHYT cho bệnh nhân ở cột g. Mục I)

Stt	Tên thuốc, hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế.	Ước tính mức sử dụng trung bình/tháng năm 2019	Ước tính tồn kho đầu năm 2019	Ước tính sử dụng trong năm 2019	Ước tính tồn kho cuối năm 2019	Nhu cầu	Ghi chú
a	b	c	d	e=c*12	f	g=e+f-d	h
1	Lamivudine-Tenofovir-Efavirenz 300/300/600mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
2	Lamivudine-Zidovudine-Nevirapine 150/300/200mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
3	Tenofovir 300mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
4	Lamivudine 150mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
5	Lamivudine-Zidovudine 150/300mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
6	Lopinavir/Ritonavir 200/50mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						

**III. Dự trù nhu cầu ARV theo nhóm thuốc và tiến độ cung cấp (đvt: viên)**

(Đề nghị phân chia nhu cầu thuốc ở cột (i), Mục II vào các đợt nhận thuốc quy định)

Stt	Tên thuốc, hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế.	Nhóm thuốc	Đợt 1 (12/2018)	Đợt 2 (3/2019)	Đợt 3 (6/2019)	Đợt 4 (9/2019)	Tổng số
1	Lamivudine-Tenofovir-Efavirenz 300/300/600mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
2	Lamivudine-Zidovudine-Nevirapine 150/300/200mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
3	Tenofovir 300mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
4	Lamivudine 150mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
5	Lamivudine-Zidovudine 150/300mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						
6	Lopinavir/Ritonavir 200/50mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên						

Ngày.... tháng.... năm 2018

Cán bộ chịu trách nhiệm  
(ký và ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo đơn vị  
(ký, đóng dấu)

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHỤ LỤC I**  
**BIỂU MẪU DỰ TRÙ THUỐC ARV NGUỒN BHYT NĂM 2019 DÀNH CHO CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ**

**I. Số lượng bệnh nhân người lớn đang điều trị ARV đến 31/12/2017 và ước tính bệnh nhân đến 12/2019**

a	Cột (a): Số thứ tự phác đồ. Không thay đổi
b	Cột (b): Phác đồ điều trị. Không thêm bớt, thay đổi danh mục phác đồ đã ghi sẵn.
c	Cột (c): Điền số bệnh nhân thực tế các phác đồ thống kê ở thời điểm 31/12/2017.
d	Cột (d): Điền số bệnh nhân thực tế có thẻ BHYT ở thời điểm 31/12/2017.
e	Cột (e) = (c) - (d): Số bệnh nhân thực tế không có thẻ BHYT ở thời điểm cuối tháng 12/2017
f	Cột (f): Ước tính số bệnh nhân người lớn đến 31/12/2019 theo các phác đồ. Hướng dẫn cách làm: Ước tính bệnh nhân dựa trên (1) Số bệnh nhân đang điều trị hiện tại; (2) Mức tăng trưởng quá khứ; (3) Chỉ tiêu bệnh nhân được giao hoặc đã xác lập; (4) Các kế hoạch, thông tin về nhận thêm/ chuyển bớt bệnh nhân (nếu có). Lưu ý: Bệnh nhân mới điều trị ARV ưu tiên sử dụng phác đồ TDF+3TC+EPV.
g	Cột (g): Ước tính số bệnh nhân sử dụng ARV nguồn BHYT đến 31/12/2019 theo phác đồ. Bệnh nhân đủ điều kiện được BHYT chi trả (có thẻ BHYT đúng tuyến, có giấy chuyển tuyến hợp lệ và có giấy tờ tùy thân....)
h	Cột (h) = cột (f) - cột (g) Ước tính số bệnh nhân không sử dụng ARV nguồn BHYT đến 31/12/2019 theo phác đồ

**II. Ước tính nhu cầu thuốc ARV cho BN có BHYT, giai đoạn 1/1-31/12/2019 (đvt: hộp)**

a	Cột (a): Số thứ tự thuốc. Không thay đổi
b	Cột (b): Tên thuốc, hàm lượng. Danh mục ghi sẵn đã bao gồm tất cả các thuốc dự kiến có thể cung ứng từ nguồn BHYT năm 2019. Tuyệt đối không thêm bớt, thay đổi, chỉnh sửa danh mục thuốc đã ghi sẵn.
c	Cột (c): Ước tính mức sử dụng trung bình/tháng năm 2019 Trên cơ sở số bệnh nhân có BHYT ước tính ở mục 1, cột (g), dự kiến số bệnh nhân có BHYT theo phác đồ theo từng tháng trong năm. Trên cơ sở đó tính nhu cầu thuốc theo từng tháng và lấy giá trị nhu cầu trung bình/tháng của năm dự trù. ( Xem trong BẢNG TÍNH HỖ TRỢ DỰ TRÙ NHU CẦU THUỐC ARV NGUỒN BHYT NĂM 2019 THEO SỐ BỆNH NHÂN ĐIỀU TRỊ )
d	Cột (d): Ước tính tồn kho đầu năm 2019. Do năm 2018 chưa cung ứng ARV nguồn BHYT nên tồn kho đầu năm 2019 bằng 0 cho tất cả các khoản
e	Cột (e): Ước tính sử dụng trong năm 2019. Giá trị thông thường được tính bằng công thức cột (e) = cột (c) x 12 (tháng).
f	Cột (f): Ước tính tồn kho cuối năm. Là lượng thuốc dự kiến còn tồn tại cơ sở cuối năm 2019. Đây là tồn kho an toàn/ tồn kho đệm hay còn gọi là tồn kho gối đầu tại cơ sở. Khuyến nghị từ 1-3 tháng sử dụng
g	Cột (g) = (f) - (e) - (d): Nhu cầu ARV cơ sở dự kiến nhận về để sử dụng trong năm

**III. Dự trù nhu cầu ARV theo tiến độ cung cấp (đvt: hộp)**

	Phân chia nhu cầu thuốc ở cột g, Mục II vào các đợt nhận thuốc theo quy định là tháng 12/2018, 3/2019, 6/2019, 9/2019. Gợi ý cách làm: Phân chia theo tỷ lệ sử dụng thuốc của các quý trong năm
	Nhóm thuốc, đường dùng, dạng bào chế: nếu cơ sở có nhu cầu nhóm thuốc cụ thể theo quy định tại Điều 5 Thông tư 11/2016-TT-BYT ngày 11/05/2016, đề nghị ghi rõ thông tin. Trong trường hợp không có nhu cầu nhóm thuốc cụ thể, đề nghị tích vào ô: "Nhóm thuốc, đường dùng dạng bào chế: Thực hiện theo sự điều phối của chương trình".

Phụ lục 2.2: Biểu mẫu chi tiết dự trữ thuốc ARV nguồn BHYT năm 2019 của các cơ sở dự trữ  
(Kèm theo công văn số /AIDS-DTR ngày tháng năm 2018 của Cục Phòng, chống HIV/AIDS)

Số Y tế.....  
TTPC HIV/AIDS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHI TIẾT DỰ TRỮ THUỐC ARV THEO CƠ SỞ  
SỬ DỤNG NGUỒN BẢO HIỂM Y TẾ NĂM 2019**

(đvt: viên)

	Tên thuốc, hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế.	Nhóm thuốc	Đợt 1 (12/2018)	Đợt 2 (3/2019)	Đợt 3 (6/2019)	Đợt 4 (9/2019)	Tổng số
Tên CS 1	Lamivudine-Tenofovir-Efavirenz 300/300/600mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Lamivudine-Zidovudine-Nevirapine 150/300/200mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Tenofovir 300mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Lamivudine 150mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
Tên CS 2	Lamivudine-Zidovudine 150/300mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Lopinavir/Ritonavir 200/50mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Lamivudine-Tenofovir-Efavirenz 300/300/600mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Lamivudine-Zidovudine-Nevirapine 150/300/200mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
Tên CS 3	Tenofovir 300mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Lamivudine 150mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Lamivudine-Zidovudine 150/300mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Lopinavir/Ritonavir 200/50mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
Tổng toàn nhiên phổ	Lamivudine-Tenofovir-Efavirenz 300/300/600mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên		0				
	Lamivudine-Zidovudine-Nevirapine 150/300/200mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Tenofovir 300mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						
	Lamivudine 150mg; đường dùng; uống; dạng bào chế: viên						

Cán bộ chịu trách nhiệm  
(ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.... tháng.... năm 2018  
Lãnh đạo đơn vị  
(ký, đóng dấu)

Phụ lục 2.3: Tổng hợp danh sách các cơ sở gửi dự trữ nhu cầu ARV nguồn BHYT năm 2019

(Kèm theo công văn số AHSS-DT/ ngày tháng năm 2019 của Cục Phòng chống HIV/AIDS)

Danh sách các cơ sở gửi dự trữ nhu cầu thuốc ARV cho bệnh nhân người lớn nguồn BHYT năm 2019  
Tỉnh/Thành phố:

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ nhận thuốc	Đầu mối liên lạc (ghi rõ tên cán bộ, điện thoại liên hệ)	Ghi chú

Cán bộ chịu trách nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày . Tháng . Năm 2018  
Lãnh đạo đơn vị  
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 2.1: Hiệu mẫu tổng hợp dự trữ thuốc ARV nguồn BHYT năm 2019  
(Kèm theo công văn số AIDS-DT ngày tháng năm 2018 của Cục Phòng chống HIV/AIDS)

Tỉnh/Thành phố:  
TPHC HIV/AIDS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP DỰ TRỮ THUỐC ARV CHO BỆNH NHÂN NGƯỜI LỚN  
SỬ DỤNG NGUỒN BẢO HIỂM Y TẾ NĂM 2019**

I. Số lượng bệnh nhân người lớn điều trị ARV đến 31/12/2017 và ước tính bệnh nhân đến 31/12/2019 (tại các cơ sở dự trữ)

Stt	Phác đồ Điều trị	Số bệnh nhân đang điều trị ARV 31/12/2017			Ước tính số bệnh nhân đến (tháng 31/12/2019)		
		Tổng	Có thẻ BHYT	Không có thẻ BHYT	Tổng	*Có sử dụng ARV BHYT	**Không sử dụng ARV BHYT
a	b	c	d	e=c-d	f	g	h=f-g
	Tổng số Bệnh nhân Người lớn:	0	0	0	0	0	0
1	(TDF)/3TC/EFV 300/300/600	0	0	0	0	0	0
2	(ZDV)/3TC/NVP 300/150/200	0	0	0	0	0	0
3	Phác đồ khác 1 khác	0	0	0	0	0	0
4	(TDF)/3TC/150)(LPV/r 200/50)	0	0	0	0	0	0
5	(ZDV)/3TC/300/150)(LPV/r 200/50)	0	0	0	0	0	0
6	Phác đồ khác 2 khác	0	0	0	0	0	0

II. Ước tính nhu cầu thuốc ARV BHYT, giai đoạn 1/1/2019-31/12/2019 (đvt: viên)  
(Số người ước tính như cầu thuốc ARV nguồn BHYT cho bệnh nhân ở cột g, Mục I)

Stt	Tên thuốc, hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế.	Ước tính sử dụng trong bình thường năm 2019	Ước tính tồn kho đầu năm 2019	Ước tính sử dụng (trung bình) năm 2019	Ước tính tồn kho cuối năm 2019	Nhu cầu	Ghi chú
a	b	c	d	e=c*12	f	g=f-e-d	h
1	Lamivudine-Tenofovir-Efavirenz 300/300/600mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên	0	0	0	0	0	0
2	Lamivudine-Zidovudine-Nevirapine 150/300/200mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên	0	0	0	0	0	0
3	Tenofovir 300mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên	0	0	0	0	0	0
4	Lamivudine 150mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên	0	0	0	0	0	0
5	Lamivudine-Zidovudine 150/300mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên	0	0	0	0	0	0
6	Lopinavir/Ritonavir 200/50mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên	0	0	0	0	0	0

III. Dự trữ nhu cầu ARV theo nhóm thuốc và tiến độ cung cấp (đvt: viên)

Stt	Tên thuốc, hàm lượng, đường dùng, dạng bào chế.	Nhóm thuốc	Đợt 1 (12/2018)	Đợt 2 (3/2019)	Đợt 3 (6/2019)	Đợt 4 (9/2019)	Tổng số
1	Lamivudine-Tenofovir-Efavirenz 300/300/600mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên	Thực hiện theo sự điều phối của chương trình	0	0	0	0	0
2	Lamivudine-Zidovudine-Nevirapine 150/300/200mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên		0	0	0	0	0
3	Tenofovir 300mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên		0	0	0	0	0
4	Lamivudine 150mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên		0	0	0	0	0
5	Lamivudine-Zidovudine 150/300mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên		0	0	0	0	0
6	Lopinavir/Ritonavir 200/50mg; đường dùng: uống; dạng bào chế: viên		0	0	0	0	0

Cán bộ chịu trách nhiệm  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày: .. tháng .. năm 2018  
Lãnh đạo đơn vị  
(Ký, đóng dấu)